

Số: 57/CBTT-VOSA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng năm 2025 (đã được kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Mã chứng khoán: VSA

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: (028) 54161820 / 54161821 / 54161822

- Email: vosagroup@vosagroup.com

Website: www.vosa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Riêng năm 2025.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/02/2026 tại đường dẫn: <https://vosa.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng năm 2025;



Đại diện công bố thông tin

Trần Công Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 từ trang 7 đến trang 46 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Ông Trần Hồng Quang	Thành viên	
Ông Đặng Hồng Trường	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Thế Tiếp	Thành viên độc lập	
Ông Phan Nhân Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Sơn Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Nhân Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Bổ nhiệm ngày 04/04/2025
		Miễn nhiệm ngày 01/11/2025
Ông Nguyễn Đình Tú	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Miễn nhiệm ngày 01/04/2025

Trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch HĐQT.

Theo Quyết định số 206/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 30/10/2025, Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Phan Nhân Thảo giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 01/11/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo này.

Theo Quyết định số 86/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 22/05/2024, Ông Nguyễn Đình Tú thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025.

Theo Nghị quyết số 10/NQ-TH/HĐQT ngày 04/04/2025, Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 04/04/2025 đến ngày 31/10/2025.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Nhân Thảo

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Số: 04 /2026/UHYHCM - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 02 năm 2026, từ trang 7 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Phan Thanh Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		393.682.640.435	392.129.657.484
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	184.608.287.485	193.056.613.420
Tiền	111		76.608.287.485	72.834.613.420
Các khoản tương đương tiền	112		108.000.000.000	120.222.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	62.620.000.000	26.620.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62.620.000.000	26.620.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.650.358.461	154.255.036.998
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	94.490.764.187	107.494.747.366
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	13.456.381.933	9.296.607.219
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	23.992.330.556	37.733.626.307
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(289.118.215)	(269.943.894)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.803.994.489	18.198.007.066
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.400.314.375	4.693.068.881
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.308.389.499	13.403.819.503
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	95.290.615	101.118.682
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		195.411.873.997	184.164.246.516
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.353.343.325	2.287.477.825
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.353.343.325	2.287.477.825
Tài sản cố định	220		40.545.653.547	50.312.355.504
Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.437.970.231	33.441.124.527
- Nguyên giá	222		118.929.916.576	140.952.169.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.491.946.345)	(107.511.045.209)
Tài sản cố định vô hình	227	13	11.107.683.316	16.871.230.977
- Nguyên giá	228		14.867.112.996	22.040.639.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.759.429.680)	(5.169.408.666)
Bất động sản đầu tư	230	14	19.353.879.827	14.586.138.347
- Nguyên giá	231		107.706.916.115	75.678.647.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(88.353.036.288)	(61.092.509.208)
Tài sản dở dang dài hạn	240		212.326.667	204.141.667
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		212.326.667	204.141.667
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	82.194.976.723	63.649.376.723
Đầu tư vào công ty con	251		77.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.794.200.000	7.248.600.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.694.103.664	1.694.103.664
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.293.326.941)	(5.293.326.941)
Tài sản dài hạn khác	260		51.751.693.908	53.124.756.450
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	51.751.693.908	53.124.756.450
TỔNG TÀI SẢN	270		589.094.514.432	576.293.904.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		259.867.748.327	239.910.423.423
Nợ ngắn hạn	310		257.645.048.039	238.105.935.539
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	71.836.353.386	86.618.465.771
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	10.560.579.312	10.330.182.169
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	9.298.446.728	7.320.794.361
Phải trả người lao động	314		27.070.438.039	22.727.633.702
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.323.177.307	9.010.747.801
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		976.927.264	148.545.452
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	122.458.612.920	94.884.009.316
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.120.513.083	7.065.556.967
Nợ dài hạn	330		2.222.700.288	1.804.487.884
Chi phí phải trả dài hạn	333	19	450.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.772.700.288	1.804.487.884
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.226.766.105	336.383.480.577
Vốn chủ sở hữu	410	21	329.226.766.105	336.383.480.577
Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.964.860.000	140.964.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.964.860.000	140.964.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		169.057.359.067	165.913.555.864
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.204.547.038	29.505.064.713
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	13.786.048.697
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.204.547.038	15.719.016.016
TỔNG NGUỒN VỐN	440		589.094.514.432	576.293.904.000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Lê Phạm Mỹ Hằng



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phan Nhân Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	758.868.260.295	825.969.632.896
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		758.868.260.295	825.969.632.896
Giá vốn hàng bán	11	24	692.095.985.811	760.154.997.538
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.772.274.484	65.814.635.358
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	20.600.006.902	15.833.549.155
Chi phí tài chính	22	26	1.705.959.360	3.714.273.014
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	60.226.747.581	59.527.396.509
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.439.574.445	18.406.514.990
Thu nhập khác	31	28	682.822.304	1.892.032.615
Chi phí khác	32	29	2.825.359.000	378.294.362
Lợi nhuận khác	40		(2.142.536.696)	1.513.738.253
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.297.037.749	19.920.253.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.092.490.711	4.201.237.227
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.204.547.038	15.719.016.016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Lê Phạm Mỹ Hằng



Nguyễn Thị Thanh Thủy




Phan Nhân Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		23.297.037.749	19.920.253.243
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.270.036.594	8.936.389.739
Các khoản dự phòng	03		19.174.321	420.823.971
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		255.833.131	223.402.502
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(13.681.196.604)	(5.984.844.930)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.160.885.191	23.516.024.525
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.537.714.495	106.322.935.993
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20.600.523.716	(17.533.789.087)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.665.817.048	1.161.170.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.251.237.227)	(6.943.690.883)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.161.576.394)	(6.869.108.507)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.552.126.829	99.653.542.380
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.804.844.529)	(1.717.715.310)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.000.000	134.360.270
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.000.000.000)	(2.400.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.545.600.000)	(51.681.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.746.671.277	5.722.063.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.513.773.252)	(49.442.291.546)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.158.554.000)	(45.121.475.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.158.554.000)	(45.121.475.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.120.200.423)	5.089.775.634
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	193.056.613.420	187.193.875.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		671.874.488	772.962.573
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	184.608.287.485	193.056.613.420

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Lê Phạm Mỹ Hằng

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Nhân Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 11 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 là 140.964.860.000 đồng, được chia thành 14.096.486 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 277 người (tại 01/01/2025 là 338 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (CN Vitamas) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận. Kho ngoại quan....)
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý Vận tải quốc tế phía Bắc (*)	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận; vận tải biển
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận. Kho ngoại quan....)
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy	Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
11	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải: Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối
13	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (*)	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
15	Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Công ty con) (***)	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển
16	Công ty TNHH Vitamas (Công ty con) (***)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
17	Công ty TNHH VOSA Sài Gòn (Công ty con) (***)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển
18	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) (***)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa
19	Công ty TNHH Sinotrans Container Lines Vietnam (***)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi.

(*) Theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-TH/HĐQT ngày 23/07/2025, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của 05 chi nhánh.

(**) Theo Nghị quyết số 239/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 28/11/2025, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của chi nhánh Vũng Tàu từ ngày 01/01/2026.

(***) Công ty có 03 Công ty con và 02 Công ty liên kết (chi tiết tại Thuyết Minh số 6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất	33 - 50
Phần mềm vi tính	03 - 05

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính đối với nhóm tài sản Nhà cửa, vật kiến trúc là 05 - 20 năm.

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán bất động sản, cung cấp dịch vụ và hoạt động xây dựng.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	67.173.177	75.949.752
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.541.114.308	72.758.663.668
- Các khoản tương đương tiền (*)	108.000.000.000	120.222.000.000
Cộng	184.608.287.485	193.056.613.420

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 1,5% - 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	62.620.000.000	62.620.000.000	26.620.000.000	26.620.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	62.620.000.000	62.620.000.000	26.620.000.000	26.620.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.220.000.000	27.220.000.000	25.620.000.000	25.620.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội	400.000.000	400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	62.620.000.000	62.620.000.000	26.620.000.000	26.620.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	94.490.764.187	(192.520.809)	107.494.747.366	(173.346.488)
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	3.967.129.294	-	23.910.382.470	-
- Công ty Cổ phần Netma	2.308.860.576	-	4.895.003.982	-
- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP	6.135.497.058	-	7.008.672.607	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	9.775.429.599	-	-	-
- Các đối tượng còn lại	72.303.847.660	(192.520.809)	71.680.688.307	(173.346.488)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	94.490.764.187	(192.520.809)	107.494.747.366	(173.346.488)
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	2.575.765.802	(125.410.683)	2.571.299.164	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	(125.410.683)	125.410.683	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	55.000.000	-	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	16.200.000	-	36.586.080	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	25.920.000	-	64.800.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	143.571.824	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	847.985.954	-	429.355.145	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	1.025.350.000	-	387.800.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	-	-	15.142.800	-
- Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	336.327.341	-	1.452.204.456	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	13.456.381.933	-	9.296.607.219	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	3.390.034.558	-	3.998.257.444	-
- Cảng dầu B12	2.044.003.000	-	-	-
- Công ty TNHH ĐT Hạ Long	1.391.802.400	-	-	-
- Các đối tượng còn lại	6.630.541.975	-	5.298.349.775	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.456.381.933	-	9.296.607.219	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	330.026.400	-	-	-
- Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Hàng Hải VIMC- Chi Nhánh Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	330.026.400	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	23.992.330.556	(96.597.406)	37.733.626.307	(96.597.406)
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.818.943.011	-	1.573.644.014	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	37.536.482	-	33.543.534	-
- Tạm ứng	474.688.452	-	1.227.386.447	-
- Ký cược, ký quỹ	7.463.960.440	-	7.324.748.437	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	4.472.952.982	(96.597.406)	23.511.084.112	(96.597.406)
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.359.340.150	-	760.113.820	-
- Phải thu khác	8.364.909.039	-	3.303.105.943	-
b) Dài hạn	1.353.343.325	-	2.287.477.825	-
- Ký cược, ký quỹ	1.353.343.325	-	2.287.477.825	-
Cộng	25.345.673.881	(96.597.406)	40.021.104.132	(96.597.406)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***10. NỢ XẤU**

	Tại 31/12/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá trị	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị	Dự phòng
	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	(125.410.683)	125.410.683	-	(125.410.683)
- Shipping Corporation of India	96.597.406	-	(96.597.406)	96.597.406	-	(96.597.406)
- Công ty TNHH MTV Vận Tài Viễn Dương Vinashin	95.871.609	28.761.483	(67.110.126)	95.871.609	47.935.804	(47.935.805)
Cộng	317.879.698	28.761.483	(289.118.215)	317.879.698	47.935.804	(269.943.894)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.400.314.375	4.693.068.881
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	43.524.106	49.261.444
- Chi phí sửa chữa tài sản	65.472.778	189.589.034
- Chi phí mua bảo hiểm	13.188.529	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.278.128.962	4.454.218.403
b) Dài hạn	51.751.693.908	53.124.756.450
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.725.150	62.187.209
- Tiền thuê đất trả trước (*)	51.722.567.963	53.034.308.231
- Chi phí trả trước dài hạn khác	14.400.795	28.261.010
Cộng	55.152.008.283	57.817.825.331

(*) Đây là các khoản tiền thuê đất Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê của các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hải Phòng.

Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 VND. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2025 là 49.631.039.546 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2025 là 50.848.979.162 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong kỳ là 1.217.939.616 VND). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	97.185.369.695	37.746.403.370	6.020.396.671	140.952.169.736
- Mua trong năm	-	1.524.725.455	259.091.481	1.783.816.936
- Đầu tư XD CB hoàn thành	497.259.181	-	-	497.259.181
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(23.864.741.913)	-	-	(23.864.741.913)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(438.587.364)	-	(438.587.364)
Tại 31/12/2025	73.817.886.963	38.832.541.461	6.279.488.152	118.929.916.576
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	(68.438.342.036)	(33.370.144.767)	(5.702.558.406)	(107.511.045.209)
- Khấu hao trong năm	(1.697.793.398)	(1.190.838.063)	(278.428.783)	(3.167.060.244)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	20.747.571.744	-	-	20.747.571.744
- Thanh lý, nhượng bán	-	438.587.364	-	438.587.364
- Phân loại lại	(217.457.671)	151.761.152	65.696.519	-
Tại 31/12/2025	(49.606.021.361)	(33.970.634.314)	(5.915.290.670)	(89.491.946.345)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	28.747.027.659	4.376.258.603	317.838.265	33.441.124.527
Tại 31/12/2025	24.211.865.602	4.861.907.147	364.197.482	29.437.970.231

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 54.960.129.145 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 70.153.754.675 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	17.727.428.525	4.313.211.118	22.040.639.643
- Mua trong năm	-	990.000.000	990.000.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(8.163.526.647)	-	(8.163.526.647)
Tại 31/12/2025	9.563.901.878	5.303.211.118	14.867.112.996
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2025	(2.173.637.651)	(2.995.771.015)	(5.169.408.666)
- Khấu hao trong năm	(31.664.994)	(726.456.761)	(758.121.755)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	2.168.100.741	-	2.168.100.741
Tại 31/12/2025	(37.201.904)	(3.722.227.776)	(3.759.429.680)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	15.553.790.874	1.317.440.103	16.871.230.977
Tại 31/12/2025	9.526.699.974	1.580.983.342	11.107.683.316

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.190.029.300 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.108.079.300 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	3.693.821.937	71.984.825.618	-	75.678.647.555
- Tăng từ phân loại lại	8.163.526.647	-	23.864.741.913	32.028.268.560
Tại 31/12/2025	11.857.348.584	71.984.825.618	23.864.741.913	107.706.916.115
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại 01/01/2025	(2.881.014.405)	(58.211.494.803)	-	(61.092.509.208)
- Khấu hao trong năm	(199.069.902)	(3.884.695.308)	(261.089.385)	(4.344.854.595)
- Tăng từ phân loại lại	(2.168.100.741)	-	(20.747.571.744)	(22.915.672.485)
Tại 31/12/2025	(5.248.185.048)	(62.096.190.111)	(21.008.661.129)	(88.353.036.288)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	812.807.532	13.773.330.815	-	14.586.138.347
Tại 31/12/2025	6.609.163.536	9.888.635.507	2.856.080.784	19.353.879.827

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2025 là 11.332.449.199 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 4.147.498.575 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại 31/12/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	77.000.000.000	-	77.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (1)	35.000.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000	-	35.000.000.000
+ Công ty TNHH Vitamas (2)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
+ Công ty TNHH VOSA Sài Gòn (3)	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.794.200.000	(5.293.326.941)	3.500.873.059	7.248.600.000	(5.293.326.941)	1.955.273.059
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000	(5.293.326.941)	1.955.273.059	7.248.600.000	(5.293.326.941)	1.955.273.059
+ Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam) (4)	1.545.600.000	-	1.545.600.000	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.694.103.664	-	1.694.103.664	1.694.103.664	-	1.694.103.664
+ Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (5)	1.072.836.000	-	1.072.836.000	1.072.836.000	-	1.072.836.000
+ Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (6)	63.746.040	-	63.746.040	63.746.040	-	63.746.040
+ Công ty liên doanh Bông Sen (7)	557.521.624	-	557.521.624	557.521.624	-	557.521.624
Cộng	87.488.303.664	(5.293.326.941)	82.194.976.723	68.942.703.664	(5.293.326.941)	63.649.376.723

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty không tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết do chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá. Vì vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng.

(1) Căn cứ theo Quyết định số 259/QĐ-VOSA/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 21/11/2023, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty – Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

(2) Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-VOSA/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 21/11/2023, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Vitamas trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty – Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas), tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(3) Căn cứ theo Quyết định số 222/QĐ-VOSA/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 21/11/2024, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

(4) Ngày 19/09/2025, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và SINOTRANS CONTAINER LINES CO., LTD thành lập Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam) với vốn điều lệ 7.728.000.000 VNĐ, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 20% tương đương số tiền 1.545.600.000 VNĐ. Phần lợi nhuận của liên doanh hàng năm được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

(5) Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Phần lợi nhuận của liên doanh hàng năm vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

(6) Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kế đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hàng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014 - 2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA được nhận khoản lợi tức đảm bảo là 5.000 USD và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.

(7) Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**Thông tin bổ sung về công ty con**

	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc		100,00%	100,00%		100%	100%
+ Công ty TNHH Vitamas		100,00%	100,00%		100%	100%
+ Công ty TNHH VOSA Sài Gòn		100,00%	100,00%		-	-

Thông tin bổ sung về công ty liên kết

	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)		20,00%	20,00%		20,00%	20,00%
+ Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)		20,00%	20,00%		-	-

**Thông tin bổ sung về công ty con,
công ty liên kết (tiếp)**

	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (VND)	Vốn thực góp tại 31/12/2025 (VND)	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc	35.000.000.000	35.000.000.000	Số 25 Điện Biên Phủ, Phường Ngõ Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ
+ Công ty TNHH Vitamas	25.000.000.000	25.000.000.000	44 - 46 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP HCM, Việt Nam.	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.
+ Công ty TNHH VOSA Sài Gòn	17.000.000.000	17.000.000.000	Số 01 Đinh Lễ, Phường Xóm Chiếu, TP HCM, Việt Nam.	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển
Công ty liên kết				
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	36.243.000.000	36.243.000.000	Phòng 604, Saigon Riverside Center, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. HCM, Việt Nam	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa
+ Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	7.728.000.000	7.728.000.000	Lầu 07, Tòa nhà CJ, số 2 Bis-4-6, Đường Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	71.836.353.386	71.836.353.386	86.618.465.771	86.618.465.771
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	412.824.096	412.824.096	6.200.153.767	6.200.153.767
- Công ty TNHH Thăng Lá	-	-	8.776.868.864	8.776.868.864
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Anh	3.516.018.262	3.516.018.262	5.423.090.820	5.423.090.820
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cầu cảng Đa Phúc	1.157.097.165	1.157.097.165	3.365.820.599	3.365.820.599
- Công ty TNHH Vn Anlogs	2.403.660.985	2.403.660.985	3.475.007.491	3.475.007.491
- Các đối tượng còn lại	64.346.752.878	64.346.752.878	59.377.524.230	59.377.524.230
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	71.836.353.386	71.836.353.386	86.618.465.771	86.618.465.771
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	4.585.721.724	4.585.721.724	3.876.059.916	3.876.059.916
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	195.745.406	195.745.406	-	-
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	581.077.746	581.077.746	254.201.458	254.201.458
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	104.400.000	104.400.000	20.000.000	20.000.000
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.619.277.295	3.619.277.295	3.575.217.879	3.575.217.879
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	11.621.277	11.621.277	-	-
- Công ty TNHH Vitamas	73.600.000	73.600.000	26.640.579	26.640.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.560.579.312	10.560.579.312	10.330.182.169	10.330.182.169
- Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh - Phú Thọ	-	-	2.546.287.437	2.546.287.437
- RICHLAND BULK PTE LTD	1.306.150.000	1.306.150.000	-	-
- Hachiuma Steamship Co., Ltd	405.895.866	405.895.866	1.552.992.691	1.552.992.691
- Công ty TNHH Sản Xuất Dương Linh	1.409.755.194	1.409.755.194	-	-
- Các đối tượng còn lại	7.438.778.252	7.438.778.252	6.230.902.041	6.230.902.041
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.560.579.312	10.560.579.312	10.330.182.169	10.330.182.169
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	2.010.286	2.010.286	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	2.010.286	2.010.286	-	-

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2025		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2025	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	397.844.162	9.478.051.620	9.551.830.831	-	471.623.373
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	759.383.010	4.092.490.711	5.251.237.227	-	1.918.129.526
- Thuế thu nhập cá nhân	95.290.615	429.997.224	3.692.014.974	3.658.059.952	101.118.682	401.870.269
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	891.489.941	5.887.863.134	5.724.306.650	-	727.933.457
- Các loại thuế khác	-	6.819.732.391	56.554.643.788	53.536.149.133	-	3.801.237.736
+ Các loại thuế khác	-	-	18.000.000	18.000.000	-	-
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	-	6.819.732.391	56.536.643.788	53.518.149.133	-	3.801.237.736
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	617.309.273	617.309.273	-	-
Cộng	95.290.615	9.298.446.728	80.322.373.500	78.338.893.066	101.118.682	7.320.794.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.323.177.307	9.010.747.801
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.279.626.085	6.798.753.561
- Thù lao HĐQT, BKS	623.433.120	569.651.840
- Trích trước chi phí thuê nhà	1.544.089.350	-
- Trích trước chi phí thuê đất	888.762.295	12.952.727
- Chi phí tư vấn	39.000.000	-
- Các khoản trích trước khác	948.266.457	1.629.389.673
b) Dài hạn	450.000.000	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	450.000.000	-
Cộng	8.773.177.307	9.010.747.801

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	122.458.612.920	94.884.009.316
- Kinh phí công đoàn, các khoản BHXH	806.536.392	707.342.716
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	452.958.335	466.783.335
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	5.889.777.596	5.546.990.000
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	81.458.257.077	64.278.904.090
+ Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	3.349.781.405	2.085.148.635
+ Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	1.314.228.750	609.453.694
+ Sinotrans Container Lines Co.Ltd	33.540.419.965	11.737.124.908
+ Shanghai Zhonggu Logistics Co.Ltd (1)	9.320.920.568	9.551.170.338
+ Namsung tax (2)	3.727.848.513	3.727.848.513
+ Grand China Shipping Co., Ltd.	1.328.360.089	1.328.360.089
+ Các đối tượng khác	28.876.697.787	35.239.797.913
- Tiền ký ngân của các hãng tàu	23.693.693.705	19.117.837.492
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam (3)	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.420.002.375	1.028.764.243
b) Dài hạn	1.772.700.288	1.804.487.884
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.772.700.288	1.804.487.884
Cộng	124.231.313.208	96.688.497.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

(1) Khoản phải trả đối với Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd, giá trị là 9.320.920.568 đồng tồn đọng chưa xử lý: Nguyên nhân do Chi nhánh Vitamas kinh doanh dịch vụ Liner, thực hiện thu hộ khách hàng của hãng tàu và xuất hóa đơn (trong đó khách hàng cam kết không đổi trả lấy tiền dư thừa), và trả lại cho hãng tàu (trong đó có phát sinh chênh lệch do hãng tàu chỉ tính theo ngày công, dịch vụ đã cung cấp còn khách hàng thì thanh toán đầy đủ theo hóa đơn). Vì vậy, khoản chênh lệch này được lũy kế hình thành trong quá khứ và đang dư chưa xác định được phải trả cụ thể đối tượng nào lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 9.320.920.568 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 9.551.170.338 đồng). Theo Thư xác nhận tại ngày 08/10/2024 về việc xác nhận số dư tại ngày 31/12/2023 của hãng tàu Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd, đã xác nhận là Chi nhánh Vitamas không còn nợ phải thu hay nợ phải trả nào đến ngày 31/12/2023 (từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2025 không phải sinh thêm giao dịch nào khác) nên Chi nhánh Vitamas đã chuyển số dư này sang khoản phải trả khác với nội dung “Khoản phải trả chờ xử lý”.

(2) Khoản thuế nhà thầu (liên quan đến thuế VAT và thuế TNDN của nhà thầu) phát sinh tồn đọng lũy kế của hãng tàu Namsung từ nhiều năm đến ngày 31/12/2025 là 3.727.848.513 đồng: Đây là số dư tồn đọng lũy kế do cách tính thuế của Chi nhánh Vitamas đối với nhà thầu nước ngoài và biểu thuế của Việt Nam có sự khác biệt (số Chi nhánh Vitamas đang thu nộp thuế thay lớn hơn số thuế thực tế phải nộp phát sinh) nên phát sinh chênh lệch và tồn đọng lũy kế đến hiện tại. Chi nhánh Vitamas sẽ thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới và Chi nhánh Vitamas sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

(3) Đây là khoản Công ty nhận ký quỹ để đảm bảo thực hiện các dịch vụ liên quan đến đại lý tàu. Công ty TNHH SYMS Việt Nam đã tạm dừng hoạt động/hoặc đã ngừng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	140.964.860.000	157.223.257.335	73.893.286.714	372.081.404.049
- Lãi trong năm trước	-	-	15.719.016.016	15.719.016.016
- Phân phối lợi nhuận	-	8.690.298.529	(60.107.238.017)	(51.416.939.488)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.690.298.529	(8.690.298.529)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.841.384.288)	(5.841.384.288)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(466.800.000)	(466.800.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(45.108.755.200)	(45.108.755.200)
Tại 31/12/2024	140.964.860.000	165.913.555.864	29.505.064.713	336.383.480.577
Tại 01/01/2025	140.964.860.000	165.913.555.864	29.505.064.713	336.383.480.577
- Lãi trong năm	-	-	19.204.547.038	19.204.547.038
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	3.143.803.203	(29.505.064.713)	(26.361.261.510)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.143.803.203	(3.143.803.203)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.870.242.510)	(4.870.242.510)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(346.290.000)	(346.290.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(21.144.729.000)	(21.144.729.000)
Tại 31/12/2025	140.964.860.000	169.057.359.067	19.204.547.038	329.226.766.105

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025, Công ty phân phối lợi nhuận cho phân tích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành và chia cổ tức như đã trình bày trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	51,05%	71.968.380.000	51,05%	71.968.380.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	48,95%	68.996.480.000	48,95%	68.996.480.000
Cộng	100%	140.964.860.000	100%	140.964.860.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	140.964.860.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.144.729.000	45.108.755.200

21.4 CỔ TỨC

	Tại 31/12/2025 CP	Tại 01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	169.057.359.067	165.913.555.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	1.743.489,18	1.509.656,69
Đồng Rúp Nga (RUB)	4.890,00	5.707.044,18

23. DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu	758.868.260.295	825.969.632.896
- Doanh thu đại lý vận tải	479.289.521.368	480.898.298.468
- Doanh thu kinh doanh kho bãi	110.467.922.054	116.252.141.628
- Doanh thu đại lý tàu	46.121.238.916	50.868.594.410
- Doanh thu đại lý Liner	33.789.086.983	29.711.801.582
- Doanh thu kiểm kiện	7.305.875.053	17.973.243.174
- Doanh thu bán hàng hóa	-	56.875.605.010
- Doanh thu dịch vụ khác	81.894.615.921	73.389.948.624
Cộng	758.868.260.295	825.969.632.896
b) Doanh thu với các bên liên quan	20.827.823.253	11.420.230.897
Công ty Vận tải Biển VIMC	30.240.741	1.511.389.767
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	564.814.860	393.518.550
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	272.360.000	281.804.000
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	10.083.500
Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.798.366.485	1.693.573.960
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	14.380.000	24.436.111
Công ty TNHH Đại lý Vận Tải Quốc Tế Phía Bắc	6.373.732.899	4.817.726.171
Công ty TNHH Vitamas	1.177.846.273	1.322.651.579
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH VOSA SÀI GÒN	3.500.875.532	-
Công ty Cổ Phần Vận Tải CONTAINER VIMC	3.978.927.659	1.203.425.878
Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	24.074.074	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	946.884.680	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	1.320.050	2.800.270
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	14.021.111
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	-	800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn đại lý vận tải	465.665.408.493	467.659.406.367
- Giá vốn kinh doanh kho bãi	103.693.254.360	108.894.228.587
- Giá vốn đại lý tàu	30.247.749.971	33.367.493.784
- Giá vốn đại lý Liner	14.906.690.790	14.872.887.272
- Giá vốn kiểm kiện	5.120.689.382	9.451.030.695
- Giá vốn bán hàng hóa	-	56.120.919.407
- Giá vốn dịch vụ khác	72.462.192.815	69.789.031.426
Cộng	692.095.985.811	760.154.997.538

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.017.764.436	3.604.446.538
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	80.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.573.432.168	1.993.595.460
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.825.165.151	10.045.723.665
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	183.645.147	109.783.492
Cộng	20.600.006.902	15.833.549.155

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.266.481.082	3.007.209.204
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	439.478.278	333.185.994
- Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	372.888.166
- Chi phí tài chính khác	-	989.650
Cộng	1.705.959.360	3.714.273.014

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	38.801.445.740	35.717.589.157
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng	3.225.642.436	2.954.311.616
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.808.137.670	2.182.616.687
- Thuế, phí và lệ phí	1.061.374.717	1.378.743.930
- Chi phí dự phòng	19.174.321	47.935.805
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.504.498.798	7.096.085.115
- Chi phí bằng tiền khác	7.806.473.899	10.150.114.199
Cộng	60.226.747.581	59.527.396.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	90.000.000	134.360.270
- Tiền phạt thu được	-	1.421.372.001
- Thu nhập từ góp vốn TSCĐ	-	213.054.012
- Thu nhập khác	592.822.304	123.246.332
Cộng	682.822.304	1.892.032.615

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Phạt vi phạm hợp đồng	351.458.084	-
- Các khoản bị phạt	520.260.483	306.824.439
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	40.611.350
- Các khoản chi phí khác	1.953.640.433	30.858.573
Cộng	2.825.359.000	378.294.362

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.297.037.749	19.920.253.243
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	5.841.593.419	5.015.669.056
- Các khoản phạt chậm nộp thuế	498.383.485	162.368.516
- Thù lao HĐQT không điều hành	1.680.548.096	2.446.419.609
- Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	1.025.106.481	762.796.034
- Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	158.229.772	827.126.871
- Chi phí không được trừ	2.479.325.585	816.958.026
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(8.676.177.614)	(3.929.736.166)
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	(815.210.966)	(1.660.852.724)
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	(286.825.431)	(274.271.336)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(7.573.432.168)	(1.993.595.460)
- Điều chỉnh khác	(709.049)	(1.016.646)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	20.462.453.554	21.006.186.133
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.092.490.711	4.201.237.227

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.272.980.391	4.426.395.674
- Chi phí nhân công	91.796.449.239	92.155.777.787
- Khấu hao tài sản cố định	8.270.036.594	8.936.389.739
- Chi phí dự phòng	19.174.321	47.935.805
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	623.032.937.335	627.887.458.322
- Chi phí bằng tiền khác	24.931.155.512	30.107.517.313
Cộng	752.322.733.392	763.561.474.640

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết mối quan hệ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc	Công ty con
Công ty TNHH Vitamas	Công ty con
Công ty TNHH VOSA Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Sp-Psa	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Vận tải Biển VIMC	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Vận Tải CONTAINER VIMC	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tổng Hợp Thị Vải	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	Công ty liên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty Vận tải Biển VIMC	30.240.741	1.511.389.767
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	564.814.860	393.518.550
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	272.360.000	281.804.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	10.083.500
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.798.366.485	1.693.573.960
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	14.380.000	24.436.111
- Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải Quốc Tế Phía Bắc	6.373.732.899	4.817.726.171
- Công ty TNHH Vitamas	1.177.846.273	1.322.651.579
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	144.000.000	144.000.000
- Công ty TNHH VOSA SÀI GÒN	3.500.875.532	-
- Công ty Cổ Phần Vận Tải CONTAINER VIMC	3.978.927.659	1.203.425.878
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	1.320.050	2.800.270
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	24.074.074	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	946.884.680	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	14.021.111
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	-	800.000
Mua nguyên liệu, hàng hóa và dịch vụ		
- Công ty TNHH VOSA Sài Gòn	177.287.000	-
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	15.294.029.628	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.109.708.000	59.715.600
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	61.878.840	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	1.553.563.365	1.242.211.690
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	491.740.250	281.553.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	26.400.000	-
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	-	29.273.530
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	124.974.895	-
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	57.480.000	85.649.226
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	12.185.000	11.239.859
- Công ty TNHH Vitamas	24.667.203	-
- Công ty TNHH Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc	20.191.744	-
- Công ty TNHH Khai Thác Container Việt Nam	-	3.425.590
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	-	1.600.000
- Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)	-	2.665.170
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Công ty TNHH Vitamas	3.872.721.558	-
- Công ty TNHH Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc	1.395.721.389	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	2.065.593.011	1.810.868.714
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	131.885.000	127.715.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	107.511.210	55.011.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Số dư với các bên liên quan**

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	55.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	16.200.000	36.586.080
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	25.920.000	64.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	143.571.824	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	847.985.954	429.355.145
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	1.025.350.000	387.800.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	-	15.142.800
- Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	336.327.341	1.452.204.456
Phải thu khác		
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	357.798.600	357.798.600
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	1.505.189.510	1.664.846.256
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	139.027.181
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	1.818.943.011	1.573.644.014
Người mua trả tiền trước		
- Công ty Cổ phần vận Tải biển và Thương mại Phương Đông	2.010.286	-
Phải trả người bán		
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	195.745.406	-
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	581.077.746	254.201.458
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	104.400.000	20.000.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	11.621.277	-
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.619.277.295	3.575.217.879
- Công ty TNHH Vitamas	73.600.000	26.640.579
Phải trả khác		
- Công ty Cổ phần Cảng hải Phòng	-	458.307.520
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	-	198.779
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	-	54.708.779
- Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Sp-Psa	-	484.526.024
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng Hợp Thị Vải	-	224.573.843
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	3.349.781.405	2.085.148.635
- Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	-	1.157.429.129
- Công ty TNHH Vitamas	1.765.175.161	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:		
- Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	280.670.290	184.396.750
- Ông Phan Nhân Thảo - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/11/2025)	194.491.000	-
- Ông Trần Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	277.414.860	145.528.500
- Ông Nguyễn Đức Thiện - Thành viên Hội đồng quản trị	582.090.160	400.785.200
- Ông Trần Hồng Quang - Thành viên Hội đồng quản trị	175.814.860	107.728.500
- Ông Nguyễn Thế Tiếp - Thành viên Hội đồng quản trị	227.234.860	126.088.500
- Ông Đặng Hồng Trường - Thành viên Hội đồng quản trị	149.400.407	56.112.000
- Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban kiểm soát	153.140.407	56.112.000
- Ông Nguyễn Sơn Hà - Thành viên ban kiểm soát	133.808.407	49.228.000
- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/6/2025)	38.876.000	-
- Ông Nguyễn Đình Tú - Phó Tổng Giám đốc phụ trách (miễn nhiệm 01/04/2025)	364.667.389	1.099.607.627
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2025)	614.237.471	806.377.800
- Ông Nguyễn Hồng Hải - Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm 26/6/2025)	155.834.860	116.136.500
- Ông Vũ Phước Long - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	28.519.989	508.190.220
- Bà Nguyễn Bích Thảo - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	12.156.250	271.285.215
- Ông Hoàng Việt - Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	21.938.453	61.852.500
- Bà Trần Thị Hạnh - Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	21.938.453	57.832.500
Cộng	3.432.234.116	4.047.261.812

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050. Diện tích khu đất thuê là 10.000 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 25, đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng và cung cấp các dịch vụ khác từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là 2.668,3 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt Chi nhánh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Chi nhánh, kho bãi, cung cấp dịch vụ với thời hạn thuê từ 02 năm đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

33.4 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Các thông tin khác phát sinh trong năm của Công ty:

- Theo đề án ngày 11/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Vitamas để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Vitamas, Công ty TNHH Vitamas đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318218907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/12/2023. Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

- Theo đề án ngày 20/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Northfreight, Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202226899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/12/2023. Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****33.4 CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****Các thông tin khác phát sinh trong năm của Công ty (Tiếp):**

Theo Quyết định số 222/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2024 về việc thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Sài Gòn, Công ty TNHH VOSA Sài Gòn đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318797147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/01/2025. Theo đó, kể từ ngày 03/01/2025 trở đi, toàn bộ nhân viên của Chi nhánh Sài Gòn đã được chuyển sang ký Hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TNHH VOSA Sài Gòn đồng thời toàn bộ hoạt động của Chi nhánh cũng được chuyển đổi qua Công ty TNHH Sài Gòn thực hiện từ ngày 03/01/2025 (ngoại trừ các hợp đồng dở dang phát sinh từ trước ngày 03/01/2025 vẫn tiếp tục được thực hiện tại Chi nhánh). Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

33.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026***Người lập biểu****Lê Phạm Mỹ Hằng****Trưởng phòng TCKT****Nguyễn Thị Thanh Thủy****Tổng Giám đốc****Phan Nhân Thảo**